

Số: 11 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 03 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2015;

Thực hiện Công văn số 8210-CV/TU ngày 27/12/2019 của Tỉnh ủy Đồng Nai về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại kỳ họp ngày 27/12/2019 về nội dung liên quan đến việc đón Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020;

Thực hiện ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh về hỗ trợ Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 tại Công văn số 932/HĐND-VP ngày 19/12/2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 7035/TTr-STC ngày 10/12/2019 về việc hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 và Công văn số 7617/STC-QLNS ngày 31/12/2019 về việc dự thảo quyết định hỗ trợ Tết Nguyên đán năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 cho các đối tượng theo mức như sau:

I. Đối tượng và mức hỗ trợ:

1. Mức 5.000.000 đồng/người cho các đồng chí:

a) Là Đảng viên 65 năm tuổi Đảng trở lên (Riêng các đồng chí có 70 năm tuổi Đảng trở lên mỗi đồng chí kèm theo 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng/người).

b) Là cán bộ hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng 8 năm 1945.

2. Mức 3.000.000 đồng/người cho các đồng chí: Đảng viên từ 55 năm đến 64 năm tuổi Đảng.

3. Mức 1.500.000 đồng/người cho các đồng chí là: Đảng từ 40 năm đến 54 năm tuổi Đảng.

4. Mức 1.000.000 đồng/người (hoặc 1.000.000 đồng/hộ) cho các đối tượng sau:

a) Đảng viên từ 30 đến 39 năm tuổi Đảng.

b) Cán bộ công chức, viên chức trong biên chế, kể cả lao động hợp đồng (theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và 128 hợp đồng lao động của các cơ quan, đơn vị được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chấp thuận tại Công văn số 7939-CV/TU ngày 19/11/2019) hiện đang công tác trong cơ quan quản lý Nhà nước, hành chính sự nghiệp, tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể, các hội quần chúng hiện đang hưởng lương từ ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện.

c) Cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã, kể cả lao động hợp đồng (theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ) và cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ ấp, khu phố theo Nghị quyết số 77/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh Đồng Nai.

d) Cán bộ công chức, viên chức trong biên chế kể cả lao động hợp đồng (theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ) hiện đang công tác, làm việc ở một số cơ quan tại địa phương nhưng hưởng kinh phí theo ngành dọc: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Cục Thống kê, Cục Quản lý Thị trường, Ngân hàng Nhà nước, Cục và Chi cục Thi hành án, Bảo hiểm Xã hội; cán bộ, nhân viên của các cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn tỉnh; cán bộ, công chức phục vụ Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai; sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ chiến sĩ chính quy thuộc lực lượng vũ trang của các đơn vị gồm: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Trại giam Xuân Lộc, Trường Giáo dưỡng số 04.

đ) Cán bộ, nhân viên trong biên chế, kể cả lao động hợp đồng (theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ) của một số cơ quan, trường học, bệnh viện của Trung ương nằm trên địa bàn tỉnh có mối quan hệ trực tiếp với địa phương gồm: Đài Khí tượng Thủy văn, Bệnh viện Tâm thần, Viện Pháp y tâm thần Trung Ương Biên Hòa, Bệnh viện 7B, Trường Trung cấp Thống kê II, Trường Cao đẳng Trang trí Mỹ thuật Đồng Nai, Trường Đại học Lâm nghiệp cơ sở 2 (Trảng Bom), Trường Cao đẳng Công nghệ Quốc tế Lilama, Trường Cao đẳng nghề số 8 (Biên Hòa), Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi (Trảng Bom), Vườn Quốc gia Cát Tiên, Phân xã Đồng Nai và phóng viên thường trú báo Nhân dân tại Đồng Nai; giáo viên của Khoa Nghiên cứu Văn hóa người Diết - Trường Đại học Đồng Nai.

(Đối tượng nêu tại điểm b, c, d và đ nêu trên có hệ số lương cộng phụ cấp vượt khung từ 5,0 trở xuống hoặc có mức trợ cấp quy đổi từ 5,0 trở xuống bao gồm các mức lương: Cán sự có 12 bậc hệ số lương tối đa là 4,06; Chuyên viên có 9 bậc, hệ số lương tối đa là 4,98; Chuyên viên chính ở bậc 2 là 4,74).

e) Phó Trưởng công an xã và công an viên xã (công an viên thường trực ở xã và công an viên phụ trách ở ấp).

g) Phó Chỉ huy trưởng quân sự, lực lượng dân quân thường trực ở huyện; ở xã, phường, thị trấn.

h) Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng kể cả vợ hoặc chồng của liệt sĩ đã lấy chồng hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp hàng tháng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ hoặc đang thờ cúng Mẹ Việt Nam anh hùng.

i) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

k) Thương binh, bệnh binh đã được xếp hạng có hồ sơ do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý (trừ thương binh đang công tác ở những doanh nghiệp có hưởng lương).

l) Thương binh hiện đang công tác tại các lực lượng vũ trang do Công an và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai quản lý và chi trả trợ cấp hàng tháng.

m) Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động trong kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng.

n) Người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy có hồ sơ tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý đang hưởng trợ cấp thường xuyên theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

o) Người hưởng lương hưu, người hưởng trợ cấp mất sức lao động, tai nạn lao động đang được hưởng trợ cấp thường xuyên hàng tháng.

p) Người được hưởng chế độ tiền tuất (từ trần).

q) Người được hưởng trợ cấp phục vụ Mẹ Việt Nam Anh hùng, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thương binh, bệnh binh nặng, người bị tai nạn lao động nặng trên 81%.

r) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang được hưởng trợ cấp thường xuyên.

s) Gia đình, thân nhân các đồng chí cán bộ đang làm nhiệm vụ ở nơi đặc biệt khó khăn gian khổ thuộc quần đảo Trường Sa và DK1 được hưởng mức 1.000.000 đồng/hộ (không tính theo số người trong hộ).

t) Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008, Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 và Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Mức 800.000 đồng/hộ hỗ trợ cho các đối tượng là: Hộ nghèo theo chuẩn quy định tại Quyết định 4356/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 về phê duyệt kết quả điều tra, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận đa chiều, hộ làm nông - lâm - ngư nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2018-2020.

6. Mức 600.000 đồng/người (hoặc 600.000 đồng/hộ) cho các đối tượng sau:

a) Hộ cận nghèo (không tính theo số người trong hộ) theo quy định tại Quyết định 4356/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 về phê duyệt kết quả điều tra, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận đa chiều, hộ làm nông - lâm - ngư nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2018-2020.

b) Học sinh đang học tại các trường Dân tộc nội trú của tỉnh; Học sinh là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu Đồng Nai và đang theo học ở các trường đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp và các trung tâm cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Học sinh của Khoa Nghiên cứu Văn hóa người Diêm - Trường Đại học Đồng Nai.

c) Vận động viên thể dục thể thao trong đội tuyển, đội trẻ và năng khiếu do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý.

d) Các đối tượng ở các Trung tâm Bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập (đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định công nhận).

đ) Các đối tượng tại Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

e) Các đối tượng đang được hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng.

7. Mức 400.000 đồng/người cho các đối tượng sau:

a) Bệnh nhân đang nằm điều trị tại các cơ sở y tế của Trung ương và địa phương trên địa bàn tỉnh, do yêu cầu điều trị không về nhà ăn tết với gia đình, phải ăn tết tại cơ sở y tế.

b) Người lang thang cơ nhỡ tập trung về ăn Tết tại Trung tâm Bảo trợ huấn nghệ cô nhi Biên Hòa.

c) Người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy nhưng chưa có hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp thường xuyên theo quy định do hồ sơ gốc bị thất lạc.

8. Mức 200.000 đồng/người cho các đối tượng sau:

a) Học viên thuộc cơ sở điều trị nghiện ma túy.

b) Phạm nhân đã bị kết án đang được giam giữ trong các cơ sở giam giữ thuộc lực lượng Công an địa phương quản lý; Trại viên, học viên tại Trường Giáo dưỡng số 4 (xã An Phước, huyện Long Thành); Phạm nhân tại Trại giam Xuân Lộc thuộc Bộ Công an.

9. Các đơn vị khác gồm:

a) Các đồng chí nguyên Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy; Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh các khóa đã nghỉ hưu; Các đồng chí Trưởng, Phó các Ban Đảng, UBKT Tỉnh ủy đã nghỉ hưu nhưng không là tỉnh ủy viên; Cán bộ chính sách và gia đình các cán bộ chính sách; Các đồng chí và gia đình các đồng chí có công đóng góp cho tỉnh ủy Biên Hòa cũ; Gia đình các đồng chí Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh các khóa đã nghỉ hưu, đã từ trần theo đề xuất của Ban Tổ chức

Tỉnh ủy tại Công văn 8151-CV/BTCTU ngày 15/11/2019 và đã được Tỉnh ủy Đồng Nai chấp thuận tại Công văn số 8064-CV/TU ngày 03/12/2019.

b) Đi thăm, hỗ trợ, chúc Tết các đơn vị quân đội trong và ngoài tỉnh, cán bộ chiến sỹ và nhân dân trên các đảo vùng biển Tây Nam (trên cơ sở đề xuất của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tại Công văn số 2551/BCH-TC ngày 29/11/2019 và Công văn số 2682/BCH-TC ngày 17/12/2019, đã được Sở Tài chính thẩm định tại Công văn số 7350/STC-NSNN ngày 23/12/2019).

II. Nguồn kinh phí và tổ chức cấp phát:

1. Các đối tượng nêu tại khoản 1; khoản 2; khoản 3; điểm a khoản 4 (Đảng viên 30 năm tuổi Đảng trở lên và cán bộ hoạt động cách mạng trước CMT8 năm 1945 và các đối tượng thuộc điểm b, c, e và g Khoản 4, Khoản 5, điểm a và e, Khoản 6, Mục I *(thuộc cấp huyện và cấp xã)*: do ngân sách cấp huyện cân đối cấp kinh phí.

2. Các đối tượng còn lại: **Do ngân sách cấp tỉnh cân đối cấp kinh phí.**

3. Về tổ chức cấp phát:

1. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chịu trách nhiệm chi trả:

Các đồng chí quy định tại điểm a khoản 9 mục I gồm: nguyên Bí thư tỉnh ủy, Phó Bí thư tỉnh ủy; Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh các khóa đã nghỉ hưu; Các đồng chí Trưởng, Phó các Ban Đảng, UBKT Tỉnh ủy đã nghỉ hưu nhưng không là tỉnh ủy viên; Cán bộ chính sách và gia đình các cán bộ chính sách; Các đồng chí và gia đình các đồng chí có công đóng góp cho tỉnh ủy Biên Hòa cũ; Gia đình các đồng chí Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh các khóa đã nghỉ hưu, đã từ trần hưởng mức đề xuất của Ban Tổ chức Tỉnh ủy tại Công văn số 8151-CV/BTCTU và các đồng chí tại khoản 1, 2, 3 và điểm a khoản 4 mục I (phần đối tượng ở các cơ quan Khối Đảng tỉnh quản lý).

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng tại điểm d, khoản 4; điểm a khoản 7 (bệnh nhân của các bệnh viện Trung ương) và điểm b khoản 8, mục I.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chi trả cho các đối tượng tại điểm h, i, k, m, n, o, p, q, r, t khoản 4; điểm b (học sinh do Sở LĐTB và XH quản lý), điểm e, d khoản 6; điểm b, c khoản 7 và điểm a khoản 8 mục I:

Riêng đối tượng quy định tại điểm o Khoản 4, Mục I: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đồng Nai lập thủ tục cấp phát, chi trả kịp thời cho các đối tượng kịp thời. Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm cung cấp danh sách đối tượng được trợ cấp, họ tên, địa chỉ chính xác, và danh sách chống trùng... cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm căn cứ chi trả.

4. Sở Y tế chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng tại điểm a khoản 7 mục I (bệnh nhân của các bệnh viện địa phương).

5. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng nêu tại điểm b khoản 6 (là học sinh đang học tại các trường Dân tộc nội trú của tỉnh) và điểm đ khoản 6 mục I.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng nêu tại điểm b khoản 6 (học sinh là người dân tộc thiểu số đang học trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật) và điểm c khoản 6 mục I.

7. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và Công an tỉnh chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng tại điểm l khoản 4 mục I (thương binh do đơn vị quản lý). Riêng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh chi trả thêm các đối tượng tại điểm s khoản 4 mục I và các đơn vị tại điểm b khoản 9 mục I.

8. Trường Đại học Đồng Nai chi trả cho các đối tượng nêu tại điểm b khoản 6 Mục I (học sinh của Khoa Nghiên cứu Văn hóa người Diết và học sinh dân tộc có hộ khẩu Đồng Nai đang theo học ở Trường Đại học Đồng Nai).

9. Trường cao đẳng Y tế Đồng Nai chi trả cho các đối tượng nêu tại điểm b khoản 6 mục I (Học sinh là người dân tộc thiểu số đang học tại Trường cao đẳng Y tế Đồng Nai).

10. Ban Dân tộc chi trả cho các đối tượng nêu tại điểm b khoản 6 mục I (là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu Đồng Nai và đang theo học ở các trường đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp và các trung tâm cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai còn lại ngoài các trường đã có đơn vị chủ quản chi trả nêu trên).

Lưu ý: Các đối tượng tại điểm b khoản 4 mục I (CBCC cấp tỉnh); Khoản 5, điểm a khoản 6 mục I. Các Sở, ban, Ngành cấp tỉnh, các địa phương chủ động sử dụng dự toán chi ngân sách được giao năm 2019 để chi trả kịp thời cho cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng được hưởng hỗ trợ tết kịp thời.

Điều 2. Ngoài mức hỗ trợ và các đối tượng nêu trên, ngân sách nhà nước các cấp tỉnh, huyện, xã không được chi thêm một khoản hỗ trợ Tết nào khác. Trong trường hợp đối tượng được hưởng nhiều mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất. *(trừ các trường hợp là các đồng chí là Đảng viên 30, 40, 50, 55, 60 và 65 tuổi Đảng trở lên được hỗ trợ nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam 03/2 và tết nguyên đán năm 2020).*

- Số lượng CBCC, người hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong biên chế được giao tại các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp được hỗ trợ tết tính theo danh sách hưởng lương tháng 01/2020 của đơn vị.

- Các đối tượng là bệnh nhân, phạm nhân, trại viên... được hỗ trợ tết tính theo danh sách quản lý của đơn vị từ ngày 24/01/2020 đến hết ngày 28/01/2020 (30 tết hết mừng 04 tết âm lịch theo quy định của Luật Lao động).

- Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện chi hỗ trợ Tết kịp thời cho các đối tượng trước ngày 14/01/2020 (20 tháng 12 Âm lịch); đồng thời thực hiện chi trả lương và các khoản trợ cấp tháng 02/2020 cho cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng liên quan trước Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài chính căn cứ Quyết định này hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 trên địa bàn tỉnh theo quy định; đồng thời chủ động phối hợp các ngành, các cấp, các cơ quan Mặt trận, hội, đoàn thể kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện hỗ trợ, không để xảy ra tình trạng lạm dụng, sai sót, cấp không đúng đối tượng làm thất thoát tiền ngân sách nhà nước.

Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp kết quả hỗ trợ Tết, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 23/01/2020.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Biên Hòa và Long Khánh, Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai, Hiệu trưởng Trường cao đẳng Y tế Đồng Nai, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
 - Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
 - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
 - Văn phòng Tỉnh ủy;
 - Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành;
 - Các hội, đoàn thể;
 - UBND các huyện, thị, thành;
 - Báo ĐN, Báo LĐĐN;
 - Đài PT-TH Đồng Nai;
 - Chánh - Phó VP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, THNC, KTNS, QTTV.
- @ĐiềnKT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng